



BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

MÃ HOẠT ĐỘNG: ICB-25

“Hỗ trợ Bộ Công Thương chuẩn bị Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020”

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Chuyên gia:

Lê Toàn Thắng

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ của Phái đoàn Liên minh Châu Âu. Những quan điểm nêu trong Báo cáo này là của riêng tác giả và không phản ánh quan điểm chính thức của Bộ Công Thương Việt Nam

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA TẠI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2010-2015

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Mục tiêu 1: Tất cả doanh nghiệp lớn tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với doanh nghiệp

Năm 2015, Bộ Công Thương đã tiến hành khảo sát hơn 3.500 doanh nghiệp trong cả nước, trong đó có khoảng 300 doanh nghiệp có quy mô lớn (có từ 300 lao động trở lên). Kết quả điều tra cho thấy, 100% doanh nghiệp sử dụng thường xuyên thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ này đạt mục tiêu đề ra trong năm 2015.

Khảo sát năm 2015 cũng cho thấy, có khoảng 77% doanh nghiệp lớn có trang thông tin điện tử tổng hợp được cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp; 8% doanh nghiệp lớn sẽ xây dựng trang thông tin điện tử tổng hợp trong năm tiếp theo, như vậy tỷ lệ này dự kiến sẽ đạt 85% vào năm 2016.

Tỷ lệ doanh nghiệp lớn có tham gia các trang thông tin điện tử bán hàng tăng đều qua các năm. Đến cuối năm 2015, số lượng doanh nghiệp lớn có tham gia các trang thông tin điện tử bán hàng để mua bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bằng cách đặt hàng trực tuyến qua e-mail và qua website đạt tương ứng 79% và 40%. Tỷ lệ doanh nghiệp lớn tham gia sàn giao dịch TMĐT năm 2015 đạt khoảng 27%, dự kiến năm 2016 sẽ tăng lên 35%.

Tình hình ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp lớn năm 2015 tương đối cao so với các năm trước đó và vượt xa so với mục tiêu đề ra đến năm 2015 (20%). Cụ thể, 95% doanh nghiệp có ứng dụng phần mềm tài chính, 77% có ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự, 39% có ứng dụng phần mềm quản lý dây chuyền cung ứng, 31% sử dụng phần mềm quản lý khách hàng và 35% doanh nghiệp lớn sử dụng phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp.

Đến hết năm 2015, thị trường TMĐT tại Việt Nam đã hình thành một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ TMĐT lớn có uy tín trong nước và khu vực như một số sàn giao dịch TMĐT: vatgia.com, sendo.vn, chodientu.com, enbac.com, lazada.vn. Ước tính tổng doanh thu năm 2014 của 85 sàn giao dịch TMĐT tham gia

khảo sát đạt khoảng 2.500 tỷ đồng (*số liệu do doanh nghiệp cung cấp*). Trong đó, nguồn doanh thu chủ yếu là thu phí quảng cáo (70%), thu phí dựa trên đơn hàng (56%), thu phí từ dịch vụ gia tăng khác (27%), thu phí tư vấn (27%), thu phí thành viên (25%) và thu phí qua tin nhắn (13%).

Bên cạnh các sàn giao dịch TMĐT, một số các website loại hình khuyến mại trực tuyến cũng được hình thành như: hotdeal.vn, muachung.vn, nhommua.com. Cũng theo số liệu doanh nghiệp cung cấp, ước tính tổng doanh thu của 40 website khuyến mại trực tuyến đạt khoảng 960 tỷ đồng, trong đó hotdeal.vn là website dẫn đầu thị trường chiếm 60% thị phần tổng doanh thu.

Mục tiêu 2. Tất cả doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành giao dịch thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp với doanh nghiệp

Năm 2015, có khoảng 2.700 doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ (dưới 300 lao động) đã tham gia khảo sát của Bộ Công Thương. Kết quả cho thấy, 100% doanh nghiệp này đã sử dụng thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sở hữu trang thông tin điện tử có cập nhật định kỳ thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm đạt khoảng 50% năm 2015, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra 5%. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các website TMĐT để mua bán sản phẩm hàng hóa và dịch vụ năm 2015 đạt khoảng 40%, qua thư điện tử đạt khoảng 76%, tỷ lệ này vượt xa tỷ lệ đặt ra trong kế hoạch phát triển TMĐT đến năm 2015 (30%).

Mục tiêu 3: Bước đầu hình thành các tiện ích hỗ trợ người tiêu dùng tham gia thương mại điện tử loại hình doanh nghiệp với người tiêu dùng

Đến năm 2015, hầu hết các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại trong cả nước cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng. Theo thống kê của Ngân hàng nhà nước, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho thanh toán thẻ đã được cải thiện, số lượng ATM và POS có tốc độ tăng trưởng nhanh; đến cuối tháng 3/2015, trên 16.100 ATM và trên 192.000 POS/EDC được lắp đặt (tăng 41% và 269% tương ứng so với cuối năm 2010). Với sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, các công ty chuyển mạch thẻ đã hoàn thành kết nối liên thông hệ thống ATM, liên thông mạng lưới POS trên phạm vi toàn quốc, qua đó thẻ của một ngân hàng đã có thể sử dụng để rút tiền, thanh toán tại hầu hết ATM/POS của các ngân hàng khác, tạo ra tiện ích lớn hơn cho chủ thẻ, góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong khu vực dân cư.

Mục tiêu 50% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua các phương tiện điện tử bắt đầu được triển khai từ năm 2013. Đến năm 2015, nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ điện nước, viễn thông và truyền thông đã kết nối với các ngân hàng và tổ chức liên minh ngân hàng cho phép người sử dụng dịch vụ có thể thanh toán hóa đơn qua các phương tiện điện tử, các đơn vị điển hình như: Viễn Thông Hà Nội (trả cước dịch vụ viễn thông, trả cước dịch vụ Internet), Công ty Cổ phần Thanh toán điện tử VNPT – VNPT E-Pay, Tổng công ty Điện lực tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Dự kiến cuối năm 2015, Việt Nam sẽ có 50% đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử, đạt mục tiêu đề ra;

Đối với mục tiêu 30% các cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hóa, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng vào cuối năm 2015 về cơ bản đã đạt được. Theo kết quả khảo sát của Bộ Công Thương năm 2015, tỷ lệ các doanh nghiệp sở hữu website, duy trì vận hành và phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng tương đối cao. Mặc dù, có sự chênh lệch về tỷ lệ sở hữu website của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ, tuy nhiên về cơ bản, các tỷ lệ này đều vượt xa mức chỉ tiêu đề ra. Cụ thể, tỷ lệ các doanh nghiệp sở hữu website trong lĩnh vực văn hóa, du lịch là 64%; lĩnh vực vận tải và giao nhận là 41%. Ngoài các lĩnh vực thương mại dịch vụ ở trên, phải kể đến các loại hình thương mại dịch vụ khác với tỷ lệ tương đối vượt trội như truyền thông, CNTT (69%); giải trí (60%); giáo dục, đào tạo (59%) và công nghiệp (55%).

Mục tiêu 4: Phần lớn dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh được cung cấp trực tuyến

Mục tiêu hoạt động cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên dịch vụ thủ tục hải quan điện tử trước năm 2013 về cơ bản đã được hoàn thiện. Cụ thể đến nay đã có 84 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 4, trong đó bao gồm:

- Các thủ tục liên quan đến xuất khẩu hàng hóa;
- Các thủ tục liên quan đến thanh toán thuế xuất nhập khẩu, phí và lệ phí hải quan;
- Thủ tục đối với tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh.

1. Các ứng dụng điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp đã đạt được kết quả như sau:

- Cho phép người khai hải quan gửi thông tin khai hải quan đến cơ quan hải quan bằng phương thức điện tử trên mạng Internet;

- Người khai hải quan nhận được kết quả xử lý khai hải quan bằng phương thức điện tử qua mạng Internet;

- Người khai hải quan có thể thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác qua hoạt động xuất nhập khẩu bằng phương thức điện tử;

- Đưa website hải quan trở thành cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

+ Có đầy đủ 100% thông tin về quy trình thủ tục (hướng dẫn quy trình, các bước tiến hành, thời gian thực hiện...)

+ Thông tin về quy trình thủ tục theo từng loại hình và từng nhóm mặt hàng có cùng bộ thủ tục chính sách;

+ Trả lời các vướng mắc trực tuyến từ phía người dân và doanh nghiệp.

2. Tổng cục Hải quan đã triển khai thủ tục hải quan điện tử phục vụ xuất nhập khẩu với các hệ thống cốt lõi giúp hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trở nên nhanh chóng, thuận lợi, an toàn và chính xác, cụ thể:

a. Thông quan (e-Declaration)

Năm 2009, theo Quyết định số 103/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 222/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã tạo ra bước phát triển mới trong việc triển khai mở rộng thủ tục hải quan điện tử với dự án xây dựng “Hệ thống thông quan điện tử phiên bản 3”. Mục tiêu của giai đoạn này là triển khai thí điểm cho 10 Cục Hải quan trọng điểm, sau đó mở rộng ra tất cả các địa phương khác và hoàn thành giai đoạn thí điểm trong năm 2012.

Từ 01/01/2013 các Cục Hải quan trên toàn quốc đã đồng loạt triển khai chính thức “Hệ thống thông quan điện tử phiên bản 4” theo Nghị định số 87/2012/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 196/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Từ tháng 4/2014 cho đến nay Hệ thống VNACCS/VCIS do phía Nhật Bản tài trợ đã chính thức triển khai tại 34/34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, rút ngắn thời gian thông quan (thời gian xử lý thông quan trung bình đối với hàng luồng xanh của Hệ thống không quá 3 giây). Việc hỗ trợ khai tự

động rất nhiều chỉ tiêu giúp doanh nghiệp hạn chế được sai sót trong quá trình nhập dữ liệu.

b. Thanh toán thuế (e-Payment)

Hướng tới mục tiêu đẩy nhanh thời gian xác nhận nộp thuế, góp phần giảm thời gian thông quan, giảm chi phí phát sinh cho doanh nghiệp, Hệ thống thanh toán thuế điện tử (e-payment) đã được nâng cấp năm 2014 đáp ứng những yêu cầu quy định mang tính đột phá tại Thông tư số 126/2014/TT-BTC. Hệ thống e-payment đã mang lại các lợi ích thiết thực với thời gian nộp thuế xuất nhập khẩu trước đây là khoảng 30 phút nay giảm còn khoảng 5 – 7 phút; Doanh nghiệp có thể nộp tiền tại nhiều điểm khác nhau, trong và ngoài giờ hành chính, nộp vào ngày nghỉ, sử dụng các dịch vụ thanh toán hiện đại (qua internet, ATM, thư bảo lãnh...); Hạn chế tối đa tình trạng chậm trễ trong việc hoàn tất thủ tục nộp thuế, giảm thiểu vướng mắc liên quan đến hạn thuế và thanh toán thuế.

Đến năm 2015, đã có 19 Ngân hàng thương mại kết nối với hệ thống thanh toán điện tử (e-payment) với số thu 3 tháng đầu năm 2015 đạt 36.843 tỷ đồng, chiếm 59,71% tổng số thu của toàn ngành Hải quan trong 3 tháng đầu năm.

c. Triển khai Cơ chế một cửa quốc gia

Với vai trò đầu mối trong việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Tổng cục Hải quan đã tiến hành xây dựng hệ thống và kết nối với các Bộ ngành để triển khai tạo bước đột phá về cải cách thủ tục hành chính, trong đó đã triển khai các thủ tục về:

- Quản lý giấy phép điện tử (e-Permit): Chức năng quản lý giấy phép điện tử giúp đơn giản hóa và hài hòa thủ tục đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh, đồng thời rút ngắn thời gian và giảm chi phí trong các thủ tục thông quan giải phóng hàng hóa xuất nhập khẩu, quá cảnh;

- Quản lý C/O điện tử (e-C/O): Theo quy định hiện hành, theo quy trình thủ công thời gian cấp C/O trung bình từ 8 – 24h kể từ thời điểm người đề nghị cấp C/O nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Sau khi triển khai hệ thống, thời gian cấp C/O đã giảm xuống còn không quá 1h thể hiện rõ tính ưu việt của cơ chế một cửa quốc gia;

- Quản lý e-Manifest: Thực hiện quy định tại Quyết định số 19/2011/QĐ-TTg ngày 23/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh.

Việc triển khai hệ thống e-manifest đã rút ngắn được tối đa thời gian thông quan tài, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, giảm chi phí

cho doanh nghiệp (trước đây, các hãng tài p hải in hàng trăm trang bản khai hàng hóa và phải trực tiếp nộp, xuất trình cho cơ quan Hải quan) đồng thời đảm bảo cho cơ quan Hải quan thực hiện công tác quản lý chặt chẽ hơn do cơ quan Hải quan kiểm tra được các thông tin trên các bản khai theo phương thức quản lý rủi ro.

Hệ thống e-manifest đã triển khai tới 43 hãng tàu, 335 đại lý hãng tàu, 1.218 công ty giao nhận, hơn 95% hồ sơ tàu tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện theo phương thức điện tử.

Hiện tại 100% dịch vụ hành chính liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ Công Thương đã được cung cấp trực tuyến, trong đó các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh đã và đang được Bộ Công Thương chú trọng phát triển lên các mức độ 3 và 4 nhằm mục đích phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được nhanh chóng, chính xác nhằm giảm thiểu các chi phí, các thủ tục không cần thiết cũng như hướng tới mục tiêu kết nối hệ thống một cửa quốc gia trong tương lai. Số lượng và tỷ lệ hồ sơ gửi đến được tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến số với tổng số lượng hồ sơ tăng mạnh qua các năm. Bộ Công Thương cũng là đơn vị đầu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 từ năm 2010.

Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương hiện nay đang cung cấp các hệ thống điển hình như hệ thống cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (*ecosys.gov.vn*); cấp giấy phép nhập khẩu tự động (*nhapkhau.gov.vn*); cấp giấy xác nhận khai báo hóa chất (*cuchoachat.gov.vn*)... đã được các doanh nghiệp sử dụng hàng ngày và có các phản hồi tốt.

Ngày 28 tháng 11 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 10887/QĐ-BCT với mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và mức độ 4 đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương, nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công Thương. Theo Quyết định này, trong năm 2015, Bộ Công Thương sẽ cung cấp 21 dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 4 có tác động lớn đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp.

Giai đoạn 2011-2015 cũng là giai đoạn thực hiện Quyết định số 48/20011/QĐ-TTg về việc thí điểm thực hiện triển khai cơ chế một cửa quốc gia. Bộ Công Thương là một trong những cơ quan nhà nước đầu tiên kết nối với hệ

thống một cửa quốc gia (VNSW). Ngày 25/12/2014, tại trụ sở của Tổng cục Hải quan, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh - Trưởng ban Ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một cửa ASEAN và một cửa quốc gia đã chính thức bấm nút kết nối 3 thủ tục hành chính của Bộ Công Thương vào Cơ chế một cửa quốc gia bao gồm: Cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi, Cấp phép nhập khẩu tự động xe mô tô phân khối lớn, Cấp phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn. Thống kê cho thấy, Bộ Công Thương đã xử lý gần 1.000 bộ hồ sơ được khai báo qua Hệ thống một cửa. Theo kế hoạch đã đặt ra và thống nhất giữa Bộ Công Thương với Tổng Cục Hải quan thì 02 thủ tục hành chính còn lại là thủ tục cấp giấy chứng nhận quy trình Kimberley đối với kim cương thô và thủ tục cấp giấy phép xuất nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp sẽ triển khai trong 6 tháng đầu năm 2015.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT

I. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thương mại điện tử

Về pháp luật chuyên ngành lĩnh vực TMĐT, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 và Luật Công nghệ thông tin năm 2006 là bản lề của hệ thống luật về TMĐT Việt Nam. Luật Giao dịch điện tử tập trung điều chỉnh giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại. Trong khi đó, Luật Công nghệ thông tin quy định chung về hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cùng những biện pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ cho các hoạt động này.

1. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới việc thừa nhận giá trị pháp lý của chứng từ điện tử, quản lý website thương mại điện tử, các quy định về đăng ký, quản lý website thương mại điện tử; các văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật trong thương mại điện tử

Trong giai đoạn 2013-2015, TMĐT đã có một số bước tiến nổi bật, đặc biệt là sự chuyển biến lớn về khung khổ pháp lý với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về các vấn đề trực tiếp liên quan đến TMĐT. Hai văn bản cốt lõi của hệ thống pháp luật TMĐT hiện nay là Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử và Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Riêng đối với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới việc thừa nhận giá trị pháp lý của chứng từ điện tử, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP tại mục 1

Chương II, có các quy định cụ thể về hai nội dung lớn là giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong giao dịch thương mại và quy trình giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website TMĐT. Chương này quy định chi tiết về giá trị pháp lý của văn bản điện tử trong hoạt động thương mại, bao gồm giá trị pháp lý như văn bản, giá trị pháp lý như bản gốc. Đồng thời, Chương cũng quy định một số yếu tố mang tính đặc thù khi tiến hành giao dịch trên môi trường điện tử như cách xác định thời điểm, địa điểm gửi và nhận văn bản điện tử, địa điểm kinh doanh của các bên trong giao dịch TMĐT, sử dụng hệ thống thông tin tự động trong giao dịch TMĐT và lỗi nhập thông tin trong giao dịch TMĐT. Bên cạnh đó, Nghị định cũng tập trung quy định các vấn đề liên quan đến quản lý hoạt động TMĐT và các đối tượng phát sinh trong hoạt động TMĐT như quy định cụ thể về hoạt động của từng loại hình website TMĐT, những nội dung thông tin cần có trên website và quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hoạt động TMĐT. Mặt khác, nhằm hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 quy định về quản lý website thương mại điện tử.

Giai đoạn 2013-2015 cũng đánh dấu sự hoàn thiện của hệ thống các văn bản pháp luật về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong thương mại điện tử. Ngày 15 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 185/2013/NĐ-CP (Nghị định số 185) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Nghị định 185 có riêng một mục quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong TMĐT. Đây là các quy định mới gắn với sự phát triển của hoạt động TMĐT tại Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, năm 2012 Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp cùng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tin liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQPBTB-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Thông tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục tố tụng và việc cụ thể hóa các mức thiệt hại cấu thành khung hình phạt sẽ giúp tháo gỡ vướng mắc cơ bản trong việc xử lý tội phạm thuộc lĩnh vực phức tạp và phi truyền thống như tội phạm công nghệ thông tin, thương mại điện tử. Góp phần hoàn thiện khung pháp lý về công nghệ thông tin và thương mại điện tử.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật thừa nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, đơn, giấy xác nhận ở dạng chứng từ điện tử khi đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể để hỗ trợ thực hiện một phần hoặc toàn bộ quy trình đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư, đấu thầu mua sắm qua các phương tiện điện tử

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, từ năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an và Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh/thành phố triển khai chương trình cải cách đăng ký kinh doanh quốc gia. Theo đó, ngày 15/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, trong đó giá trị pháp lý của hồ sơ dưới dạng chứng từ điện tử đã được công nhận như hồ sơ bằng bản giấy (Khoản 4 Điều 27).

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2013 tại kỳ họp thứ 13 Quốc hội khóa XIII đã cập nhật các nội dung về đấu thầu qua mạng, đăng tải thông tin trên Hệ thống đấu thầu điện tử. Theo đó, Hệ thống được xem như địa chỉ thực hiện các chức năng: thống nhất quản lý thông tin đấu thầu và đấu thầu qua mạng (Điều 4), điều kiện xác định tư cách hợp lệ của nhà thầu (Điều 5), thông tin về đấu thầu (Điều 8), quy định về chi phí trong đấu thầu (Điều 13), chỉ định thầu (Điều 22), đấu thầu qua mạng (Điều 60), Xử lý vi phạm (Điều 90)...

Những quy định trên sẽ làm tiền đề, tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai Dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ” thí điểm theo hình thức PPP (đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại văn bản số 7091/VPCP-KTN ngày 10/10/2011), cũng như chiến lược quốc gia và lộ trình thực hiện đấu thầu qua mạng tại Việt Nam hướng tới 2025 (với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới phối hợp xây dựng). Dự thảo chiến lược quốc gia đã được thảo luận tại Hội nghị quốc tế ngày 10/5/2012 tại Hà Nội và dự kiến sẽ được trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian tới.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì phối hợp Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng (dự kiến ban hành trong Quý II năm 2015), theo đó đẩy mạnh sử dụng hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đăng tải thông tin về đấu thầu và đấu thầu qua mạng.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thông tin

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong tình hình mới.

Công tác quản lý tài nguyên Internet đã được thực hiện tốt, góp phần bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động Internet. Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, vận hành và duy trì hoạt động của hệ thống mạng dịch vụ DNS và hệ thống kỹ thuật quản lý, cấp phát tài nguyên Internet quốc gia. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và phát huy hiệu quả của hệ thống trạm trung chuyển lưu lượng Internet quốc gia VNIX. Thực hiện tốt công tác phát triển tên miền, tính đến hết năm 2014, đã phát mới được hơn 95.640 tên miền “.vn”, nâng tổng số tên miền “.vn” đạt 295.577 tên miền, tiếp tục là tên miền quốc gia (ccTLD) có số lượng đăng ký sử dụng cao nhất khu vực Đông Nam Á – ASEAN.

Một số văn bản, chính sách đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng:

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

- Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet Việt Nam;

- Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội;

- Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang khẩn trương hoàn thiện và trình Quốc hội xem xét, thông qua dự thảo Luật An toàn thông tin.

4. Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, hải quan điện tử

- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

- Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 126/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2014 quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Thông tư 212/2014/TT-BTC Hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Thông tư 180/2010/TT-BTC Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

- Thông tư 22/2014/TT-BTC Quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

- Nghị định 87/2012/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại

- Thông tư 64/2011/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện Quyết định 19/2011/QĐ-TTg về thí điểm tiếp nhận bản khai hàng hóa, chứng từ khác có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh

- Thông tư 196/2012/TT-BTC Quy định thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu thương mại

5. Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật khuyến khích các hoạt động kinh doanh dịch vụ trực tuyến

Về hạ tầng chính sách, Ngày 16 tháng 01 năm 2012, Nghị quyết số 13-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Nghị quyết đã đưa ra định hướng “*Phát triển nhanh hệ thống thương mại điện tử*” và “*Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và toàn bộ nền kinh tế*”. Tiếp đó, ngày 03 tháng 01 năm 2015, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ tiếp tục đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2015. Trong đó, Nghị quyết nêu rõ Chương trình phát triển TMĐT quốc gia là một trong những giải pháp nhằm phát triển mạnh thị trường và bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa. Có thể nhận định rằng, chủ trương phát triển TMĐT đang là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Chính phủ về phát triển TMĐT.

Hai văn bản cụ thể hóa chủ trương, đường lối phát triển TMĐT đã được xây dựng trong thời gian qua là Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2011-2015 gồm có (i) Quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006-2010; và (ii) Quyết định số 1073/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011-2015.

Thêm vào đó, ngày 11 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 – 2020. Quyết định hướng tới mục tiêu xây dựng các hạ tầng cơ bản và triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ phát triển lĩnh vực TMĐT ở Việt Nam, đưa TMĐT trở thành hoạt động phổ biến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

6. Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để triển khai các mô hình thanh toán trực tuyến

Nhằm bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và cơ chế chính sách trong thanh toán điện tử, Ngân hàng Nhà nước đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2453/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2011-2015 (Quyết định 2453) với mục tiêu đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thanh

toán điện tử để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, tạo sự chuyển biến mạnh, rõ rệt về tập quán thanh toán trong xã hội và đạt được mục tiêu của Quyết định 1073 (tại Mục II điểm 3). Một trong những nhiệm vụ cơ bản của Quyết định 2453 là phát triển thanh toán điện tử với nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đa dạng, an toàn, thuận tiện, trọng tâm là phát triển thanh toán qua điểm chấp nhận thẻ để giảm thanh toán bằng tiền mặt, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt trong bộ phận lớn dân cư.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2012/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, qua đó tạo lập hành lang pháp lý để điều chỉnh đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động thanh toán điện tử, cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Ngân hàng Nhà nước ban hành nhiều Thông tư để hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển các dịch vụ thanh toán mới, hiện đại, dịch vụ trung gian thanh toán, yêu cầu kỹ thuật, an ninh, an toàn, bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ và hoạt động thẻ ngân hàng ... Trong đó quy định các điều kiện cụ thể cần đáp ứng khi cung ứng các dịch vụ thanh toán điện tử mới, các loại hình dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và trung gian thanh toán.

Như vậy, từ năm 2011 đến nay, về cơ bản hành lang pháp lý cho thanh toán điện tử nói chung và thanh toán điện tử phục vụ TMĐT nói riêng được bổ sung, hoàn thiện để hướng dẫn và điều chỉnh các hoạt động thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích phát triển thanh toán điện tử và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán điện tử, tạo điều kiện cho các ngân hàng cung ứng các dịch vụ thanh toán mới, hiện đại và người sử dụng dịch vụ yên tâm sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng, qua đó góp phần thúc đẩy TMĐT phát triển.

Một số các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến thanh toán điện tử được ban hành trong thời gian vừa qua:

- Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng;

- Thông tư 78/2008/TT-BTC Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 2 năm 2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính

- Thông tư 209/2010/TT-BTC Quy định giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước

- Thông tư 29/2011/TT-NHNN Quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet

- Thông tư 47/2014/TT-NHNN Quy định các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng

- Thông tư 46/2014/TT-NHNN Hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt

II. Phát triển nguồn nhân lực về thương mại điện tử

1. Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của thương mại điện tử

Từ năm 2011 đến 2015, Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương đã tổ chức tổng cộng 316 lớp tập huấn, với sự tham gia của trên 22.000 học viên. Trong đó, 172 khóa tập huấn dành cho các cán bộ quản lý nhà nước ở địa phương và 144 khóa đào tạo dành cho đối tượng là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước, các sinh viên tại một số trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Trong giai đoạn 2011-2015, Cục cũng hỗ trợ xây dựng 802 website TMĐT cho doanh nghiệp, 16 sàn giao dịch TMĐT và hệ thống quản lý thông tin xuất nhập khẩu, doanh nghiệp cho Sở Công Thương tại một số địa phương.

2. Đẩy mạnh đào tạo chính quy về thương mại điện tử:

a) Ban hành chương trình khung về đào tạo thương mại điện tử trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp; tăng cường giảng dạy kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong các trường dạy nghề;

Đã xây dựng giải pháp đào tạo trực tuyến (eclass.vn) hỗ trợ nâng cao năng lực ứng dụng thương mại điện tử. Khi đi vào triển khai, giải pháp sẽ giúp đào tạo 5.000 lượt cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý và nhân viên trong doanh nghiệp tại Việt Nam có kỹ năng kiến thức về TMĐT trong vòng 5 năm tới (tương đương mỗi năm đào tạo 1.000 học viên).

b) Ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo thương mại điện tử theo hướng khuyến khích các tổ chức đầu tư, phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến, hỗ trợ các trường đại học và doanh nghiệp liên kết trong việc thiết kế nội

dung, giáo trình đào tạo trực tuyến. Hỗ trợ về vốn và các ưu đãi về thuế nhằm đẩy nhanh hình thức đào tạo trực tuyến.

- Đã hỗ trợ công cụ đào tạo và ứng dụng TMDT (Giải pháp bán hàng trực tuyến eKip) cho hơn 1.200 sinh viên tại một số trường đại học như: Trường đại học Thương mại, Trường đại học CNTT và TT - Đại học Thái Nguyên, Trường đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội

III. Cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử

Đến nay, 100% các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có trang/cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu theo khoản 2, Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin. Hàng năm, mỗi cơ quan đã cung cấp hàng nghìn tin bài lên trang/cổng thông tin điện tử, nhiều mục tin được cập nhật nhiều lần trong ngày. Các mục tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước cũng đã được các cơ quan chú ý bổ sung hoàn thiện đáp ứng nhu cầu tuyên truyền quản lý điều hành của cơ quan nhà nước; nhu cầu tìm hiểu, tra cứu, khai thác thông tin của người dân và doanh nghiệp.

Trên trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, các dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp đầy đủ ở mức độ 1, 2; dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang được các cơ quan đầu tư và đưa vào sử dụng với số lượng ngày càng tăng. Các Bộ, ngành, địa phương tăng cường triển khai các nhóm dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 bảo đảm cho phép người dân và doanh nghiệp khai báo, gửi đăng ký biểu mẫu điện tử qua mạng. Cùng với sự tăng trưởng về dịch vụ, số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến mặc dù chưa nhiều nhưng cũng ngày càng tăng. Các cơ quan tiêu biểu có số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến lớn là: Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Thừa Thiên-Huế, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Bạc Liêu.

2. Về ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa

Hiện nay, việc ứng dụng CNTT đã và đang được triển khai ngày càng sâu, rộng tại bộ phận một cửa của các Bộ, ngành, địa phương trên khắp cả nước. Có thể một cửa điện tử, một cửa liên thông được các đơn vị quan tâm tổ chức thực hiện. Tại bộ phận một cửa, phần mềm quản lý hồ sơ, thủ tục hành chính một cửa thường được sử dụng để hỗ trợ quá trình xử lý thủ tục hành chính từ khâu tiếp nhận hồ sơ, cho đến khâu trả kết quả. Theo thống kê, hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa (61/63 tỉnh, trừ Cao Bằng, Nam Định). Một số tỉnh, thành phố điển hình trong triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa như: Hà Nội, Bắc Giang, Nghệ An, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Tây Ninh.

Tỷ lệ các quận, huyện, sở, ngành đã triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa trong mỗi tỉnh, thành phố ngày một tăng. Theo thống kê, năm 2010 chỉ có khoảng 20% số tỉnh, thành phố có trên 30% số quận, huyện, sở, ngành ứng dụng CNTT rộng rãi tại bộ phận một cửa. Đến năm 2015, con số này đã tăng lên 50%, chủ yếu tập trung tại các quận, huyện, sở, ngành có sự quyết tâm của lãnh đạo, có các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực. Một số địa phương đã triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa tới tận cấp xã, phường.

Hầu hết các phần mềm và hệ thống triển khai tại bộ phận một cửa đều có khả năng kết nối liên thông theo chiều dọc và theo chiều ngang, cho phép tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ (qua hệ thống màn hình cảm ứng tại trụ sở cơ quan nhà nước, qua Internet, thư điện tử, tin nhắn trực tiếp, máy quét mã vạch, tổng đài trả lời tự động, 35 tỉnh đã có trang thông tin tra cứu hồ sơ một cửa cấp tỉnh qua mạng Internet. Phần mềm tại bộ phận một cửa có thể được tích hợp và hỗ trợ khả năng cho phép lãnh đạo, cán bộ có thẩm quyền và người dân tra cứu thông tin về trạng thái xử lý hồ sơ qua cổng thông tin điện tử, máy đọc mã vạch và trung tâm chăm sóc khách hàng. Tại bộ phận một cửa thường trang bị thêm các ki-ốt màn hình cảm ứng cho phép người dân đến giao dịch có thể tra cứu thông tin liên quan tới các qui trình, thủ tục hành chính mà không cần phải giao dịch trực tiếp với cán bộ thụ lý hồ sơ; ở một số nơi còn trang bị hệ thống xếp hàng tự động. Điều này làm tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp khi giao tiếp với cơ quan nhà nước.

Việc ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa đã tạo điều kiện trao đổi, theo dõi thông tin xử lý của các đơn vị liên quan, hỗ trợ việc lưu trữ, in ấn mẫu biểu, báo cáo trong quá trình xử lý. Điều này làm rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục, giảm chi

phí hoạt động. Ứng dụng CNTT hiện đại cho phép giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa điện tử liên thông đạt được những bước tiến đáng kể cả về chất và lượng: tổng số hồ sơ được tiếp nhận và xử lý tại bộ phận một cửa tăng, tổng số hồ sơ được giải quyết đúng hạn tăng từ 60% lên trên 90%, môi trường hành chính được hiện đại hóa, sự hài lòng của người dân về việc giải quyết thủ tục hành chính cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, việc triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế như: đầu tư và triển khai ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa chưa đồng đều, ở một số đơn vị, việc trao đổi hồ sơ thủ tục giữa các đơn vị liên quan chủ yếu vẫn sử dụng qua hình thức giấy tờ, thông tin trao đổi qua mạng chủ yếu chỉ là ý kiến, trạng thái xử lý hồ sơ; mức độ tin học hóa tại các bộ phận một cửa chưa cao, chủ yếu mới chỉ hỗ trợ quá trình theo dõi, quản lý thông tin trong quá trình xử lý thủ tục hành chính.

3. Về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế

Công cuộc cải cách và hiện đại hóa toàn diện hệ thống thuế có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển không ngừng của đất nước. Ứng dụng CNTT được coi là bước đột phá trong công tác cải cách và hiện đại hóa ngành Thuế. Hiện nay, Bộ Tài chính đã xây dựng được Kho dữ liệu người nộp thuế, lưu trữ tập trung các đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp, cá nhân và hàng trăm chỉ tiêu quản lý được cập nhật hàng ngày. Hệ thống kê khai thuế qua mạng cho phép cá nhân, tổ chức thực hiện kê khai qua mạng Internet nhằm tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí của các cá nhân doanh nghiệp nộp thuế. Đến nay, số lượng người kê khai nộp thuế qua mạng là hơn 485.000 và gần 20 triệu hồ sơ thuế điện tử đã nhận vào hệ thống quản lý thuế. Hầu hết các tờ khai thuế đã được điện tử hóa, cụ thể là 64 loại tờ khai thuộc 15 sắc thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, tài nguyên,...) đã được khai qua mạng. Hệ thống đã triển khai tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước tới hơn 700 Chi cục Thuế trên toàn quốc.

Để thúc đẩy triển khai công tác kê khai thuế qua mạng, bảo đảm tính pháp lý, an toàn, trong thời gian qua, các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép đã phối hợp với Tổng cục Thuế để cấp phát chứng thư số cho các doanh nghiệp. Bên cạnh kê khai thuế qua mạng, Hệ thống đã cấp 1.178.736 mã số thuế cho doanh nghiệp, 3.137.852 mã số thuế cho hộ kinh doanh và 36.703.598 mã số thuế thu nhập cá nhân. Trong đó số

mã số thuế thu nhập cá nhân cấp qua tổ chức chi trả: 17.444.851 (chiếm khoảng 47% tổng mã số thuế thu nhập cá nhân đã cấp).

Ứng dụng CNTT đã thực sự góp phần quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính của ngành thuế, tính đến 1/1/2015, số giờ nộp thuế của doanh nghiệp đã giảm được khoảng 370/872 giờ.

4. Về ứng dụng CNTT trong công tác hải quan

Năm 2013, thủ tục hải quan điện tử đã được thực hiện trong phạm vi toàn quốc. Nhằm tiếp tục hoàn thiện thủ tục hải quan điện tử, đáp ứng yêu cầu của tình hình phát triển mới của đất nước, bắt đầu từ ngày 01/4/2014, Tổng cục Hải quan đã triển khai chính thức Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS trên phạm vi toàn quốc (tại 34/34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố với 100% Chi cục). Theo đó, việc khai báo và xử lý hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua hệ thống VNACCS/VCIS với mức độ tự động hóa cao từ khâu khai báo đến tiếp nhận xử lý thông tin và phản hồi cho doanh nghiệp. Đến nay, Hệ thống đã vận hành ổn định theo đúng thiết kế đặt ra, tạo thuận lợi lớn cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, việc thực hiện thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu đã trở nên nhanh chóng và ổn định, việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước của cơ quan Hải quan được bảo đảm, chặt chẽ và hiệu quả; tỷ lệ phân luồng hợp lý. Đặc biệt, hệ thống đã được các Bộ, ngành, Chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao.

Ngoài ra, cùng với việc triển khai hệ thống VNACCS/VCIS, năm 2014 ngành Hải quan đã nâng cấp các hệ thống vệ tinh của VNACCS/VCIS từ mô hình phân tán sang mô hình tập trung cấp Tổng cục. Cụ thể là các hệ thống: kế toán thuế tập trung, giá tính thuế, thông quan điện tử tập trung (Ecustoms V5), quản lý rủi ro giúp việc cập nhật thông tin được nhanh chóng và kịp thời.

Nhờ việc ứng dụng hệ thống VNACCS/VCIS thời gian đăng ký tờ khai hải quan chỉ còn 3 giây, giải phóng hàng đối với hàng nhập khẩu đã giảm 7,6 giờ (18%); Thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan đối với hàng xuất khẩu giảm 9,6 giờ (58%).

5. Về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

Ngày 28/01/2015, tại Quyết định số 152/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt dự toán thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành bảo hiểm xã hội giai đoạn 2012-2015. Kế hoạch định hướng

tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống máy chủ, máy trạm, các phần mềm phục vụ giao dịch điện tử về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế; xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu tập trung về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của cá nhân, tổ chức, phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý đối tượng và thực hiện đối chiếu, kiểm tra, xác nhận trong giải quyết thủ tục hành chính của ngành.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã tiến hành tập huấn, chuyển giao phần mềm hỗ trợ kê khai hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế qua mạng (iBHXH) để hỗ trợ các đơn vị sử dụng lao động kê khai và giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp (đã triển khai và tập huấn cho gần 77.000 đơn vị thực hiện kê khai bảo hiểm qua mạng). Từ ngày 01/5/2015, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện giao dịch điện tử. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, việc thực hiện giao dịch điện tử theo số lần giao dịch được tính là 1 lần (so với 12 lần/năm như hiện nay). Với việc giảm đáng kể số lần giao dịch như vậy, lượng thời gian mà doanh nghiệp, tổ chức cần bỏ ra để thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội cũng giảm tương ứng và đặc biệt là giảm được các chi phí phát sinh. Bảo hiểm xã hội Việt Nam phấn đấu đến cuối năm 2015 sẽ giảm được số giờ thực hiện thủ tục xuống còn 49,5 giờ, bằng với mức bình quân của các nước ASEAN-6.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cũng phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ để nghiên cứu, xây dựng, triển khai các giải pháp xác thực, an toàn trong giao dịch điện tử và cấp chữ ký số để phục vụ giao dịch điện tử của ngành bảo hiểm xã hội. Dự kiến trong năm 2015 sẽ triển khai tiếp nhận và cấp chữ ký số cho khoảng 6.000 viên chức và năm sau là 12.000 viên chức làm công tác giải quyết chính sách trong ngành.

6. Về đẩy mạnh cung cấp trực tuyến từ mức độ 3 trở lên các thủ tục đăng ký kinh doanh và đầu tư cũng như các thủ tục khác liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Hiện nay, hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia đã cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến ở cấp độ 4 – cấp độ cao nhất, cho phép thực hiện một chu trình khép kín từ nộp hồ sơ, giải quyết hồ sơ đến thanh toán lệ phí trực tuyến, gửi và nhận kết quả qua mạng điện tử. Các dịch vụ công được cung cấp trên Hệ thống bao gồm: (1) đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, (2) đăng công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, (3) cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Lợi ích của các dịch vụ này là giúp giảm bớt áp lực về thủ tục

hành chính, tiết kiệm thời gian, nguồn lực cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước.

7. Về công tác triển khai dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ” (Dự án e-GP)

Dự án ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định 1847/QĐ-BKH ngày 29/10/2010 và theo đó được sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, dự án gặp nhiều khó khăn, do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện dự án này theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

Ngày 30/10/2014, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư đã phê duyệt dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ” theo hình thức đối tác công – tư (PPP) với tổng mức vốn đầu tư của dự án là 334,895 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách nhà nước là 97,731 tỷ đồng, vốn của nhà đầu tư là 237,164 tỷ đồng, chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án: 7,350 tỷ đồng) với mục tiêu xây dựng một hệ thống mới gồm 11 hệ thống thành phần bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding); Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall); Hợp đồng điện tử (e-Contract); Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier’s Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống này. Sẵn sàng kết nối và tích hợp với các hệ thống quản lý khác của Chính phủ điện tử Việt Nam. Dự án thực hiện trong vòng 13 năm, trong đó 1,5 năm để xây dựng hệ thống và 11,5 năm để vận hành, bảo trì, nâng cấp Hệ thống. Dự kiến tháng 6/2016 sẽ lựa chọn được nhà đầu tư để cùng triển khai dự án này.

IV. Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử

1. Phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ thanh toán điện tử

Cơ sở hạ tầng và công nghệ thanh toán điện tử thời gian qua tiếp tục được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả, phục vụ tốt cho TMĐT phát triển.

Từ năm 2011 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã vận hành có hiệu quả Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), kết nối rộng khắp trên phạm vi

toàn quốc, đáp ứng số lượng giao dịch thanh toán ngày càng tăng của nền kinh tế; trong giai đoạn 2011-2015, hệ thống IBPS trung bình hàng ngày xử lý khoảng 152 nghìn giao dịch với giá trị 186 nghìn tỷ đồng. Hệ thống IBPS được coi là hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, qua đó tạo ra bước phát triển đột phá về nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho thanh toán không dùng tiền mặt. Trên nền tảng hệ thống IBPS hiện đại, hầu hết các ngân hàng tại Việt Nam có thể cung cấp các dịch vụ ngân hàng hiện đại, phạm vi mở rộng, tạo nhiều tiện ích cho các đối tượng khách hàng.

Hệ thống thanh toán nội bộ của từng ngân hàng thương mại đã có sự phát triển vượt bậc, nhờ sự đầu tư về cơ sở hạ tầng và triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ phục vụ cho hoạt động thanh toán. Hầu hết các ngân hàng thương mại đã thiết lập được hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), phát triển hệ thống thanh toán nội bộ với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, cho phép các ngân hàng thương mại cung ứng các dịch vụ, phương tiện thanh toán hiện đại cho khách hàng.

Ngân hàng nhà nước đã xây dựng và thực hiện phương án sáp nhập Smartlink vào Banknetvn để tập trung chuyển mạch về một đầu mối, tạo thuận lợi và hiệu quả hơn trong việc kết nối, chuyển mạch tại Việt Nam. Ngân hàng nhà nước đã trình và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương sáp nhập Smartlink vào Banknetvn; và chấp thuận cho hưởng miễn trừ tập trung kinh tế đối với Banknetvn và Smartlink. Đến nay, 02 Công ty đã ký kết hợp đồng sáp nhập Smartlink vào Banknetvn và hoàn thành thủ tục sáp nhập để hình thành Trung tâm chuyển mạch thể thống nhất.

Ngân hàng nhà nước cũng tập trung phát triển thanh toán thẻ qua POS theo Kế hoạch tổng thể phát triển thanh toán thẻ qua POS giai đoạn 2014-2015, nhất là phát triển thanh toán POS trên thiết bị di động (mPOS) để nâng cao số lượng, giá trị giao dịch thanh toán, đưa thanh toán qua POS trở thành thói quen của chủ thẻ. Đến nay, Ngân hàng nhà nước đã chấp thuận cho 6 ngân hàng thương mại triển khai dịch vụ mPOS và được thí điểm sử dụng hóa đơn thanh toán điện tử; giá trị và số lượng thanh toán qua POS tăng nhanh (năm 2014 tăng khoảng 32% và 20% tương ứng so với năm 2013). Thanh toán qua POS phát triển phục vụ tốt cho thanh toán không dùng tiền mặt tại các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại..., qua đó sẽ thực sự góp phần phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực dân cư và thúc đẩy TMĐT phát triển.

2. Ứng dụng các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và viễn thông, TMĐT tại Việt Nam ngày càng phát triển, các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại như thẻ ngân hàng, Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Home Banking, Ví điện tử,... cũng ngày càng phát triển, đa dạng hoá và đã dần đi vào cuộc sống, góp phần và tạo điều kiện thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong TMĐT.

Thẻ ngân hàng đang ngày càng phát triển mạnh mẽ; số lượng thẻ phát hành và doanh số giao dịch thẻ trong thời gian qua liên tục tăng; tính đến cuối tháng 3/2015, số lượng thẻ phát hành đạt mức trên 86 triệu thẻ (tăng 180% so với cuối năm 2010); giao dịch bằng thẻ cũng liên tục tăng qua các năm. Số lượng thẻ ngân hàng kích hoạt thanh toán trực tuyến đang tăng nhanh, thẻ ngân hàng được sử dụng ngày càng phổ biến trong TMĐT qua đó phục vụ, hỗ trợ tốt cho hoạt động thanh toán trong TMĐT. Bên cạnh các dịch vụ truyền thống như rút tiền mặt, chuyển khoản, sao kê, các ngân hàng thương mại đã tích hợp thêm nhiều tính năng vào thẻ ngân hàng để sử dụng thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ như thanh toán trong TMĐT, thanh toán tiền điện, nước, cước viễn thông, bảo hiểm, mua vé máy bay, thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tuyến... Đồng thời, các ngân hàng thương mại cũng quan tâm hơn đến việc cải thiện chất lượng dịch vụ thẻ, chú trọng tăng độ an toàn của thẻ ngân hàng, một số ngân hàng đã phát hành thẻ chip chuẩn EMV có khả năng tích hợp đa tiện ích, có độ bảo mật, an toàn cao.

Các dịch vụ thanh toán mới, hiện đại như thanh toán qua Internet, Mobile, ... cũng được các ngân hàng thương mại phát triển với nhiều tiện ích, phục vụ nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, đem lại nhiều tiện ích cho người tiêu dùng. Đến nay, tại Việt Nam đã có khoảng 61 ngân hàng thương mại triển khai cung ứng các dịch vụ thanh toán qua Internet và 36 ngân hàng thương mại cung ứng các dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Thanh toán qua Internet và điện thoại di động giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch thanh toán nhanh chóng, dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào không gian và thời gian, giao dịch được thực hiện tức thời; đồng thời giúp cả người tiêu dùng và doanh nghiệp tiết kiệm chi phí về thời gian đi lại thanh toán và vận chuyển hàng hóa. Thanh toán qua Internet và điện thoại di động phát triển nhanh là cơ sở và tạo động lực cho TMĐT phát triển.

Một số ngân hàng thương mại bước đầu triển khai có hiệu quả các dịch vụ thanh toán hiện đại để thanh toán tiền điện, tiền nước, cước phí điện thoại, viễn thông, truyền hình cáp, phí bảo hiểm và một số khoản thu khác như học phí, phí giao thông không dùng, như: Ngân hàng TMCP Công thương VN (Vietinbank) phối hợp

với Tổng công ty điện lực Việt Nam để thu hộ tiền điện tại một số thành phố lớn; Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) phối hợp Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) trong việc thu cước điện thoại di động ...

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và mối liên hệ mật thiết giữa công nghệ thông tin với hoạt động thanh toán đã hình thành nên các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin tham gia vào việc cung ứng các dịch vụ trung gian, hỗ trợ thanh toán. Đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã cho phép 09 tổ chức không phải là ngân hàng thực hiện thí điểm dịch vụ Ví điện tử thông qua các ngân hàng thương mại. Thông qua Ví điện tử, người dùng có thể giao dịch, thanh toán trực tuyến các hàng hóa, dịch vụ tại các website TMĐT và thực hiện nhiều dịch vụ tiện ích khác. Hiện có 37 ngân hàng thương mại đã tham gia phối hợp triển khai dịch vụ Ví điện tử. Hoạt động trung gian thanh toán góp phần đạt được mục tiêu của Quyết định 1073 và Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014-2020.

Bên cạnh đó, hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã có 3 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và đang thực hiện nâng cấp 14 dịch vụ công lên mức độ 3, 4 (dự kiến tháng 10/2015 đưa vào hoạt động). Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục nâng cấp các dịch vụ công từ mức độ 2 lên mức độ 3, 4.

3. Triển khai các hoạt động về an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử theo các mục tiêu, giải pháp trong Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia.

a. Nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động thương mại điện tử

Trong giai đoạn 5 năm (2010-2015), Bộ Thông tin và Truyền thông với vai trò là đơn vị quản lý nhà nước về lĩnh vực chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đã ban hành và trình Chính phủ ban hành các chính sách và biện pháp nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng khóa công khai, thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ chứng thực chữ ký số. Các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ việc quản lý nhà nước về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số được ban hành trong giai đoạn này bao gồm:

- Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 26/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

- Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy trình, thủ tục đăng ký, cấp phép, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. Đề xuất mô hình cấp phép theo tinh thần giai đoạn 03 của Đề án 30 của Chính phủ, đưa các quy trình, thủ tục cấp phép dịch vụ chứng thực chữ ký số đạt chuẩn ISO;

- Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và hợp tác quốc tế.

Bộ Thông tin và Truyền thông hàng năm đã tổ chức hội thảo tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về chữ ký số, dịch vụ chứng thực chữ ký số, sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam. Các hội thảo chuyên đề về sử dụng chứng thư số nước ngoài, chuyển đổi chữ ký tay và con dấu sang chữ ký số đã nhận được sự quan tâm của nhiều tổ chức, doanh nghiệp.

Đơn vị chuyên trách về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ đã thường xuyên có các hoạt động hướng dẫn, đào tạo cho cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp về các quy định pháp lý và các ứng dụng điển hình về chữ ký số, xây dựng công văn hướng dẫn các hỏi đáp thắc mắc về lĩnh vực này. Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và một số địa phương tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động thương mại điện tử cho doanh nghiệp.

Để hỗ trợ thương mại và hải quan điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cử cán bộ chuyên trách về chữ ký số tham gia nhóm làm việc của Việt Nam tại các chương trình triển khai Hải quan một cửa (Asean Single Windows).

b. Phát triển các tổ chức dịch vụ Chứng thực chữ ký số công cộng

Trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có các hoạt động nghiên cứu, khảo sát để tìm giải pháp cho việc tương tác giữa cơ sở hạ tầng khóa

công khai của Việt Nam và quốc tế.

Năm 2013, từ nhu cầu cải thiện môi trường đầu tư, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 về nội dung công nhận

CAnước ngoài và chấp nhận sử dụng chứng thư số nước ngoài, tập trung vào việc quy định phương thức theo đó các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam có thể sử dụng chứng thư số nước ngoài. Theo chiều ngược lại, phương án đưadịch vụ chứng thực chữ ký số của Việt Nam được chấp nhận quốc tế chưa đượđề cập đến tại Nghị định này.

Qua nghiên cứu, một trong những trở ngại lớn nhất để chữ ký số của Việt Nam được quốc tế công nhận là các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Việt Nam chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế. Để giải quyết vấn đề này không phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định mang tính chủ quan mà đòi hỏi sự chuẩn bị dài hạn về trình độ, cách tiếp cận để tạo sự đồng thuận và đầu tư. Đồng thời cần nhanh chóng xúc tiến đề xuất với một hiệp hội quốc tế về chữ ký số.

Như vậy để thực hiện nội dung này cần có sự khảo sát, đánh giá, chuẩn bị kỹ càng và phụ thuộc rất lớn vào năng lực triển khai cũng như tiềm lực tài chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Trong điều kiện hiện nay của Việt Nam, nhiệm vụ này không thể thực hiện một sớm một chiều.

Ngày 09/9/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 1592/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc thành lập Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia thể hiện sự quan tâm của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông trong lĩnh vực xây dựng, khai thác và phát triển hạ tầng an toàn thông tin cho giao dịch điện tử. Trong thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tổ chức tiến hành các hoạt động khảo sát, xây dựng lộ trình hỗ trợ để một số tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Việt Nam có thể đạt mức quốc tế chấp nhận.

V. Nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước

Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương đã hỗ trợ 60/63 tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử của địa phương. Cục cũng phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức nhiều khóa đào tạo, phổ biến, tuyên truyền chính sách pháp luật về TMĐT cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Ngoài ra, Cục còn phối hợp chặt với cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT tại các địa phương để tiến hành thẩm tra, xác minh các thông tin thông báo, đăng ký của website TMĐT; theo dõi, cập nhật và công bố thông tin trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT.

1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại các địa phương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường quản lý nhà nước về thương mại điện tử; chủ động tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tại địa phương ứng dụng thương mại điện tử; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động quảng bá, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, tham gia giao dịch trực tuyến, đổi mới phương thức kinh doanh, cải tiến quy trình quản lý.

2. Xây dựng lực lượng cán bộ có chuyên môn đáp ứng được công tác quản lý nhà nước về thương mại điện tử ở Trung ương và địa phương. Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và có kế hoạch đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách thương mại điện tử cấp Sở; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến về thương mại điện tử, liên kết hợp tác trong các chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

3. Xây dựng cơ chế, bộ máy phù hợp để giải quyết kịp thời những tranh chấp và vấn đề phát sinh trong thương mại điện tử; nâng cao năng lực của bộ máy thực thi pháp luật để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong thương mại điện tử

Về xây dựng cơ chế, bộ máy quản lý hoạt động TMĐT: Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử được ban hành đã đặt nền tảng cho việc xây dựng cơ chế, bộ máy để quản lý hoạt động thương mại điện tử. Theo quy định tại Nghị định này và Thông tư số 47/2014/TT-BCT về quản lý website TMĐT, các thương nhân, tổ chức, cá nhân phải tiến hành đăng ký, thông báo trực tuyến tại Cổng Thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn.

Theo số liệu thống kê từ Cổng Thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử, sau hơn một năm Nghị định số 52/2013/NĐ-CP có hiệu lực, đã có 7.814 tài khoản doanh nghiệp và 3.418 tài khoản cá nhân được duyệt. Tình hình thông báo và đăng ký website trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT như sau:

- Số hồ sơ đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT được xử lý trong năm 2014 là 1.112 hồ sơ, trong đó số website được xác nhận đăng ký tính đến cuối tháng 12/2014 là 357 website.

- Số lượng hồ sơ thông báo website TMĐT bán hàng được xử lý trong năm 2014 là 9.075 hồ sơ, trong đó số website được xác nhận thông báo tính đến cuối tháng 12/2014 là 5.082 website.

Việc ban hành kịp thời Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và Thông tư số 47/2014/TT-BCT đã mang lại hiệu quả về mặt quản lý nhà nước.

Nhằm thực thi việc quản lý và giám sát các website thương mại điện tử theo các quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử, Bộ Công Thương đã xây dựng hệ thống Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ www.online.gov.vn hỗ trợ các thương nhân, tổ chức, cá nhân tiến hành đăng ký, thông báo website TMĐT trực tuyến. Đây là một trong các tiêu chí quan trọng giúp cho các thương nhân tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận website thương mại điện tử uy tín yêu cầu các chủ sở hữu website cần tuân thủ trước khi tiến hành đánh giá.

Về hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT, từ năm 2013 đến nay có 3 thương nhân, tổ chức được xác nhận đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT là Hệ thống tiêu chuẩn trong giao dịch TMĐT (Safeweb), Ngân lượng và Vietwebrating. Theo quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, các thương nhân, tổ chức khi tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT phải tiến hành đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử. Các thương nhân, tổ chức này phải có Đề án rõ ràng với các tiêu chí đánh giá uy tín thương nhân một cách cụ thể. Nhìn chung số lượng doanh nghiệp được 3 đơn vị này chứng nhận website TMĐT uy tín còn ít, chưa đạt 5% như mục tiêu đề ra. Đây là hoạt động tương đối mới mẻ đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TMĐT, cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá tới doanh nghiệp và đặc biệt cộng đồng người tiêu dùng về lợi ích của nhãn tín nhiệm trong công tác nâng cao chất lượng giao dịch trực tuyến.

Về việc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm, nhằm triển khai các quy định tại Thông tư số 47/2014/TT-BCT về quản lý website thương mại điện tử, Bộ Công Thương đã tiếp nhận phản ánh của thương nhân, tổ chức, cá nhân về các website TMĐT có dấu hiệu vi phạm pháp luật trực tuyến trên trang online.gov.vn đối với các hành vi như: (i) Phản ánh các website thương mại điện tử không/chưa đăng ký với Bộ Công Thương (87%); và (ii) Phản ánh các website thương mại điện tử vi phạm Nghị định 52/2013/NĐ-CP (13%), bao gồm:

- Vi phạm các quy định về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử;
- Vi phạm các quy định về trách nhiệm của người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng hoặc người cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;

-Vi phạm các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân và an toàn thanh toán trong thương mại điện tử;

-Vi phạm khác quy định tại Điều 4 Nghị định 52/2013/NĐ-CP.

Trong năm 2014, Bộ Công Thương đã chủ trì tiếp nhận và xử lý gần 1.000 lượt phản ánh trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT bao gồm các phản ánh của thương nhân, tổ chức, cá nhân về hành vi vi phạm của các website thương mại điện tử.

Bên cạnh đó, Cục TMĐT và CNTT - Bộ Công Thương cũng đã chủ trì và phối hợp cung cấp thông tin, tham gia kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trên 100 trường hợp vi phạm pháp luật của các website TMĐT với Chi cục Quản lý thị trường TP. Hà Nội, TP. HCM, Phòng phòng chống tội phạm Công nghệ cao Công an TP. Hà Nội (PC50) và các đơn vị liên quan. Ngoài ra, Cục cũng đã đẩy mạnh phối hợp và cung cấp thông tin hỗ trợ cho Chi Cục Quản lý Thị trường TP. Hà Nội và TPHCM danh sách các website TMĐT vi phạm như: bán rượu, thực phẩm chức năng, website bán hàng giả, đồ chơi trẻ em, danh sách các website đã tiến hành đăng ký thông báo, v.v... nhằm phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý vi phạm trong TMĐT.

Về việc xây dựng các tiêu chí đánh giá doanh nghiệp uy tín, năm 2015, Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương tiến hành phối hợp với Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam (Vinatas) và Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (Vecom) xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá “*Doanh nghiệp tin cậy vì người tiêu dùng*” trong lĩnh vực thương mại điện tử. Hiện tại Bộ tiêu chí dự thảo với các tiêu chí đánh giá theo quy định của Vinatas có bổ sung các tiêu chí đặc thù trong thương mại điện tử.

b. Khuyến khích Hiệp hội TMĐT Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hình thức giải quyết tranh chấp trên cơ sở hòa giải và tuân thủ pháp luật, nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng:

Thời gian qua, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã phát huy vai trò trung gian giải quyết các tranh chấp trong hoạt động TMĐT trên cơ sở hòa giải, giúp tháo gỡ một số trường hợp tranh chấp cụ thể, bảo vệ thành công lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Cục TMĐT và CNTT - Bộ Công Thương cũng đã chủ trì và phối hợp với Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam tiếp nhận và xử lý gần 10 vụ việc tranh

chấp trong TMĐT về giả mạo website hoặc xâm phạm hình ảnh về sở hữu trí tuệ trên các website.

4. Thành lập Tổ chức thanh tra chuyên ngành về thương mại điện tử

Hiện nay, TMĐT đang phát triển khá sôi động. Ứng dụng TMĐT ngày càng đa dạng về hình thức và phức tạp về bản chất. Để hoàn thiện khung khổ pháp lý cho lĩnh vực này, ngày 16 tháng 5 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử và ngày 20 tháng 6 năm 2013, Bộ Công Thương cũng đã ban hành Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website TMĐT nhằm hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 52.

Về chế tài xử lý vi phạm hành chính, ngày 15 tháng 11 năm 2013 Chính phủ ban hành Nghị định số 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trong đó có riêng một mục quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong TMĐT.

Như vậy, khung khổ pháp lý về TMĐT đến năm 2014 về cơ bản đã được hoàn thiện từ quy định nội dung đến chế tài xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc triển khai các quy định này đang đặt ra nhiều thách thức với đội ngũ thi hành pháp luật do TMĐT là lĩnh vực hoạt động tương đối đặc thù, có những khác biệt lớn so với hoạt động kinh doanh truyền thống do diễn ra trên môi trường điện tử.

Theo như quy định hiện hành, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT được thực hiện bởi lực lượng quản lý thị trường. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, các hành vi vi phạm trong lĩnh vực TMĐT rất đa dạng, vấn đề xác minh hành vi đòi hỏi cần có kiến thức nhất định về TMĐT, CNTT, Internet nhằm xác định được các hành vi vi phạm cụ thể (ví dụ như vấn đề giao kết hợp đồng trên môi trường Internet, phân định trách nhiệm, quyền lợi của các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT; các vấn đề về giả mạo thông tin, lừa đảo trong TMĐT; vấn đề vi phạm bảo vệ thông tin cá nhân; vấn đề đánh giá chứng thực và nhiều vấn đề khác mang tính kỹ thuật). Những hành vi vi phạm này đòi hỏi phải có biện pháp xử lý đặc thù, mang lại hiệu quả tức thời. Đối với những hành vi vi phạm nghiêm trọng, ngoài biện pháp phạt tiền còn có các biện pháp xử phạt bổ

sung khác như rút tên miền, rút đăng ký/cấp phép/thông báo... hay các biện pháp kỹ thuật khác.

5. Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ thuộc các ngành công an, tòa án, kiểm sát để xử lý đúng pháp luật các hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại điện tử

Nhằm đẩy mạnh hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tuyên truyền, quảng bá thông tin tới thương nhân, tổ chức, cá nhân về các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP và Thông tư số 47/2014/TT-BCT. Cụ thể là các hoạt động sau:

- Đăng cảnh báo trên moit.gov.vn, vecita.gov.vn và online.gov.vn về nhiều trường hợp và hành vi lừa đảo của các website TMĐT; đồng thời yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ TMĐT gỡ bỏ các sản phẩm vi phạm.

- Phối hợp với Sở Công Thương TPHCM, Sở Nội Vụ TP. Hồ Chí Minh tiến hành tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra các website TMĐT cho thanh tra Sở Công Thương và Chi cục Quản lý thị trường TP. Hồ Chí Minh.

- Phối hợp với Chi Cục Quản lý Thị trường TP. Hà Nội tổ chức Hội thảo tập huấn “Đấu tranh chống hoạt động kinh doanh hàng giả thông qua TMĐT”.

- Phối hợp với Dự án Chính sách Thương mại và Đầu tư của Châu Âu (EU-MUTRAP) xây dựng Cổng thông tin chính sách pháp luật TMĐT và tổ chức Hội nghị “Đẩy mạnh hoạt động quản lý nhà nước về TMĐT” tại Tp. Huế và Tp. Hồ Chí Minh.

- Giải đáp thắc mắc liên quan tới thủ tục thông báo, đăng ký website TMĐT và cung cấp các tài liệu hướng dẫn chi tiết các quy trình, hồ sơ, biểu mẫu cho doanh nghiệp thuận tiện việc đăng ký, thông báo.

6. Triển khai hoạt động thống kê về thương mại điện tử và các hoạt động hỗ trợ thương mại điện tử:

a) Trước năm 2012 ban hành các tiêu chí, phương pháp thống kê thương mại điện tử theo đúng quy định tại Luật Thống kê. Kiện toàn bộ máy tổ chức từ Trung ương tới địa phương để triển khai hoạt động thống kê về thương mại điện tử;

Ngày 02/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 43/2010/TTg ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Theo đó, Bộ Công Thương là cơ quan chính chịu trách nhiệm thu thập và tổng hợp số liệu cho chỉ tiêu 1412 (số lượng đơn vị có giao dịch thương mại điện tử ở mức độ hoàn chỉnh) theo kỳ hạn công bố hàng năm. Đồng thời, thực hiện Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ra Quyết định số 3151/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê, trong đó giao Cục TMĐT và CNTT xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia được phân công và các Chương trình điều tra thống kê theo ngành, lĩnh vực phụ trách.

Tiếp đó, ngày 12 tháng 12 năm 2012, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 7637/QĐ-BCT về việc ban hành Hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và Thương mại. Quyết định này là căn cứ để các đơn vị tổ chức thu thập, tổng hợp, tính toán số liệu theo quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và Thương mại. Theo hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu trong các chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và Thương mại, Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương đã phối hợp triển khai và hoàn thiện 14 chỉ tiêu thống kê về lĩnh vực TMĐT.

b) Từ năm 2012 công bố Sách trắng về thương mại điện tử Việt Nam với các số liệu thống kê tình hình triển khai ứng dụng thương mại điện tử trên toàn quốc, nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động kinh doanh và hội nhập quốc tế về thương mại điện tử;

c) Hỗ trợ Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các tổ chức xã hội nghề nghiệp xây dựng chỉ số sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử theo doanh nghiệp và địa phương, xếp hạng website thương mại điện tử.

Từ năm 2012, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam đã xây dựng Chỉ số thương mại điện tử (EBI). Với Chỉ số TMĐT Việt Nam năm 2012, lần đầu tiên Việt Nam có được thông tin toàn diện, tin cậy và định lượng về bức tranh toàn cảnh của TMĐT trên cả nước cũng như ở hàng chục địa phương. Cho đến nay, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam vẫn tiếp tục xây dựng chỉ số này nhằm hỗ

trợ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhanh chóng đánh giá được tình hình ứng dụng TMĐT trên phạm vi cả nước cũng như tại từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Với phương pháp tiếp cận từ chiều “cầu”, Chỉ số TMĐT (EBI - eBusiness Index) được xây dựng dựa trên khảo sát thực tiễn ứng dụng TMĐT của hàng nghìn doanh nghiệp trên cả nước theo bốn nhóm tiêu chí lớn là nguồn nhân lực và hạ tầng ICT, giao dịch giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng (B2C), giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) và dịch vụ công trực tuyến (G2B).

Mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 100 và được gán một trọng số. Tổng điểm theo trọng số của cả bốn nhóm là cơ sở để đánh giá, phân loại mức độ ứng dụng TMĐT của mỗi địa phương. Trong từng nhóm, mỗi tiêu chí cũng được cho điểm theo thang điểm 100 và gán cho các trọng số để thể hiện tầm quan trọng của tiêu chí trong nhóm tương ứng.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế về thương mại điện tử:

a) Chủ động tham gia hợp tác quốc tế về thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan với các tổ chức kinh tế thương mại quốc tế và khu vực, các tổ chức thương mại của Liên Hiệp quốc, các tổ chức thương mại đa phương, song phương và các đối tác thương mại khác;

b) Khuyến khích các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp hợp tác với các đối tác nước ngoài tạo môi trường phát triển thương mại điện tử quốc tế, tăng cường hoạt động kinh doanh trực tuyến qua biên giới và chuyển giao công nghệ.

- Tham gia các hoạt động hợp tác về TMĐT của APEC, WTA, AFACT, UNESCAP, UNCITRAL.

- Hoàn thiện và ký kết khung thỏa thuận hợp tác với đối tác của Nhật Bản và Thái Lan về việc phối hợp giải quyết tranh chấp xuyên biên giới trong TMĐT

- Tổ chức các sự kiện trong khuôn khổ Đối thoại chính sách – pháp luật thương mại điện tử Việt Nam – Nhật Bản lần thứ 7 tại TP. Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục đẩy nhanh quá trình kết nối và trao đổi trực tuyến chứng từ xuất nhập khẩu (eC/O) với Đài Loan, Hàn Quốc.

C. KIẾN NGHỊ

1. Đẩy mạnh hoạt động xây dựng chính sách, chương trình, dự án tổng thể hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp hiện diện trên môi trường Internet, xây dựng thương hiệu trực tuyến, triển khai hoạt động tiếp thị điện tử... nhằm giúp doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, ứng dụng cách thức quản lý và điều hành tiên tiến.

- **Tiếp tục triển khai Hệ thống thanh toán TMĐT quốc gia KeyPay:** tích hợp giải pháp thanh toán cho các dịch vụ hành chính công tại Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng giải pháp thanh toán bảo đảm hỗ trợ cho TMĐT.

- **Triển khai giải pháp thẻ thanh toán TMĐT tích hợp:** xây dựng thương hiệu thẻ thông minh do Cục quản lý, phối hợp với Vietsens về hạ tầng công nghệ; triển khai thí điểm giải pháp thẻ cho ngành giáo dục Phú Thọ; mở rộng triển khai giải pháp thẻ y tế tích hợp cho các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- **Triển khai hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT trên nền tảng di động:** xây dựng giải pháp kỹ thuật cho hệ thống khởi tạo ứng dụng cho doanh nghiệp trên các nền tảng di động; thí điểm với các doanh nghiệp thương mại điện tử.

- **Phát triển Hệ thống chuyên phát trung gian cho thương mại điện tử:** hoàn thiện hệ thống kỹ thuật, kết nối với doanh nghiệp chuyên phát; triển khai thí điểm với các doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử.

. - **Phát triển giải pháp Hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp TMĐT:** phối hợp với VDC xây dựng hệ thống cung cấp Hóa đơn điện tử cho doanh nghiệp kinh doanh TMĐT; triển khai thí điểm với các doanh nghiệp TMĐT.

- **Phát triển các Giải pháp ứng dụng TMĐT trên nền tảng Bản đồ số:** xây dựng Giải pháp ứng dụng TMĐT trên nền tảng bản đồ số trong thương mại điện tử; triển khai ứng dụng giải pháp TMĐT trên nền tảng Bản đồ số hỗ trợ các dịch vụ sản xuất công nghiệp, hệ thống phân phối và xúc tiến đầu tư tại Việt Nam; triển khai thu thập dữ liệu và thí điểm ứng dụng với các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị liên quan.

- **Triển khai Ngày mua sắm trực tuyến 2015:** tổ chức Ngày mua sắm trực tuyến 2015; duy trì và phát triển Hệ thống OnlineFriday.vn trở thành hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp khuyến mãi chất lượng cho người tiêu dùng.

- **Triển khai QĐ 634/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”:** Nâng cấp toàn diện hệ thống cổng thông tin Tuhaoviet.vn và hệ thống phân phối hàng việt trực tuyến Vncharm.com; Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, xây dựng thương hiệu VnCharm - Tự hào việt thông qua Cổng thông tin Tuhaoviet.vn và các mạng xã hội; Triển khai đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất hàng Việt bán hàng thông qua VnCharm.com; Phối hợp với Vụ Thị trường trong nước, triển khai Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động; Nghiên cứu hướng triển khai dịch vụ tư vấn xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp trên môi trường trực tuyến (logo, nhận diện, bao bì, hình ảnh, nội dung sản phẩm, quảng cáo online, bán hàng online).

- **Duy trì Cổng Thông tin xuất khẩu Việt Nam:** tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ thông tin sẵn có nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp; chú trọng việc đưa ra Danh sách nhà nhập khẩu dưới dạng bản tin; phối hợp với nhãn uy tín SafeWeb để cung cấp dịch vụ chuẩn hóa website của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- **Đẩy mạnh Hệ thống Xây dựng uy tín trong giao dịch thương mại điện tử SafeWeb.vn:** chú trọng hoạt động truyền thông để tuyên truyền, phổ cập nhãn uy tín SafeWeb, từ đó nâng cao số lượng website gắn nhãn.

- **Phổ biến Giải pháp xây dựng website TMDT eKip.vn:** đẩy mạnh việc tuyên truyền để đông đảo doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận và sử dụng eKip.vn như một giải pháp chính khi muốn đưa hoạt động kinh doanh từ truyền thống lên môi trường mạng Internet. Ngoài ra, eKip sẽ được định hướng để các đối tượng là giới trẻ, sinh viên có thể tiếp cận như một môi trường thực hành chuyên nghiệp để từ đó đối tượng này có thể trang bị và xây dựng những kỹ năng cần thiết trước khi bước vào môi trường doanh nghiệp.

2. Xây dựng giải thưởng quốc gia về thương mại điện tử, đưa tiêu chí phát triển thương mại điện tử vào chỉ tiêu đánh giá xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của các địa phương.

3. Đảm bảo tính đồng bộ và liên thông thông tin giữa các Bộ, ngành trong các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến doanh nghiệp, tiến tới hình thành các cơ

sở dữ liệu quốc gia dùng chung cho các lĩnh vực hải quan, thuế, quản lý doanh nghiệp, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, tài chính tín dụng, thống kê. Chia sẻ thông tin về tài nguyên Internet giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với Bộ Công Thương nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các website thương mại điện tử.

4. Nâng cao chất lượng và phạm vi triển khai dịch vụ công trực tuyến, tạo nền tảng cho chính phủ điện tử. Tuy số lượng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên các trang/cổng thông tin điện tử ngày càng tăng, nhưng chủ yếu là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (mức độ 3, 4) được cung cấp và sử dụng hiệu quả còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, thái độ, mong muốn sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao của người dân và doanh nghiệp còn chưa cao.